

**CẤU TRÚC KHU VỰC ĐÔ THÀNH VIỆT NAM-
NHẬT BẢN VÀ SỰ BIẾN ĐỔI CHỨC NĂNG:
THAM CHIẾU ĐẶC BIỆT ĐỂ SO SÁNH KHU VỰC
CẢNG CỬA HUẾ VÀ HIKONE TỪ THẾ KỶ XVII
ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX**

**(Regional allocation and the functional changes of castle cities
in Vietnam and Japan: With special reference to port area
comparisons of Hue and Hikone from the 17th to the first half
of the 20th century)^(*)**

1. Mở đầu: Vài nét so sánh

Liên quan đến việc đô thành Huế được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới, ngoài Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đang tiếp tục điều tra, khám phá ra thì còn có trường Đại học Waseda ở Nhật đang nghiên cứu khôi phục đô thành Đại Nội Huế. Nhưng về việc nghiên cứu liên quan đến khu vực bao quanh đô thành, thì chưa phải đã có nghiên cứu đầy đủ.

Những năm gần đây, nhờ liên tục phát hiện những văn bản của các địa phương với số lượng lớn hiếm thấy ở Việt Nam tại các vùng nông thôn lân cận khu vực này, dựa theo khảo sát gia phả, điều tra điền dã tại các thôn làng [như tiếp cận của nhóm nghiên cứu của GS. Suenari], thì lịch sử và phong tục tập quán cùng những truyền thống vốn có ở đây đang được làm sáng tỏ.

Thông qua “dự án vùng lân cận” của Viện Nghiên cứu Tương tác Văn hóa, Đại học Kansai, với lực lượng chính là những người đang làm nghiên cứu sinh, chúng tôi đã tiến hành điều tra thực địa

^(*) **GS. Noma Haruo, Viện Nghiên cứu Tương tác Văn hóa, Đại học Kansai, Nhật Bản** (Professor, Institute for Cultural Interaction Studies, Kansai University, Japan)

Bản dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt: **ThS. Nguyễn Thị Hương Trà, Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật, Đại học Ngoại ngữ Huế** (Translator, Lecturer, Faculty of Japanese Linguistics and Culture, Hue University of Foreign Languages)

trong vòng 1 tuần vào tháng 9 trong hai năm 2008 và 2009. Tuy những nghiên cứu sinh này chưa quen lắm trong công tác điền dã, nhất là đối với những nghiên cứu sinh du học đến từ châu Á là chủ yếu, nhưng họ đã từng thực tập trải nghiệm ở Nhật, nơi có địa hình, địa thế, lịch sử giống ở Huế. Đó là vùng Hikone, một thành cổ thời cận đại tiêu biểu của Nhật Bản nằm ở miền Đông Bắc tỉnh Shiga.

Thành phố Hikone nằm ở vùng châu thổ sông Serikawa thuộc vùng Đông Bắc bồn địa Oumi, có hồ lớn nhất Nhật Bản là hồ Biwa, có quan hệ đặc biệt mật thiết với việc vận chuyển đường thủy trên hồ Biwa của Nhật Bản.

Môi trường Huế và khu vực lân cận được hình thành từ những đồi cát, đầm phá ở cửa sông, lưu vực sông Hương đổ ra biển, trên nền đất thấp có độ cao so với mặt nước biển là dưới 100m, nên lũ lụt thường xảy ra vào mùa mưa và mùa gió mậu dịch ẩm ướt.

Trong báo cáo này, tôi lấy thành phố đô thành Hikone và thành phố Huế ra để so sánh cấu tạo khu vực bên trong nó và quy hoạch đô thị, vừa đưa ra những điểm tương đồng và dị biệt. Tôi muốn đóng góp vào “giao tiếp văn hóa” bằng những quan điểm chung của chúng tôi, đặc biệt, về cơ sở vật chất của vùng đó, nhất là từ việc phân tích thương mại, buôn bán, hình thành khu vực cảng sông, để thử so sánh một cách tổng thể hai đô thành ở giai đoạn tiền cận đại đến thời cận đại (từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XX).

Nhưng, Huế từ thế kỷ XVII trở về sau rồi cũng đã trở thành vương phủ, kinh đô của Việt Nam, còn Hikone chỉ là trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị của lãnh địa địa phương, gọi là thái ấp Hikone. Vì thế, nên cũng có thể sẽ có ý kiến khác nhau trong việc so sánh điểm giống nhau giữa hai thành phố. Thế nhưng, cả hai thành phố đều mang yếu tố nhân tạo, do con người sáng tạo ra trên vùng đất thấp ven bờ nước (gần sông, hồ...), được tạo ra theo quyền lực từng thời kỳ.

Mục đích của báo cáo này là so sánh đối chiếu để làm sáng tỏ hai điều: Trước hết, cả hai khu vực đều được chọn để làm đô thành như thế nào, và ở đây đô thành đã được xây dựng ra sao? Thứ hai

là khảo sát, so sánh Matsubara có cảng xuất nhập hàng hóa, lúa gạo của thái ấp Hikone, với Bao Vinh, Địa Linh, Thanh Hà là những đô thị cảng sông, nơi đã trở thành đô thị giao lưu buôn bán.

2. Quá trình hình thành đô thành Hikone

Ông Ii xuất thân ở miền Trung Nhật Bản, trở thành lãnh chúa của Mạc phủ Tokugawa, năm 1601 vào Hikone và hình thành nên lãnh địa với 300.000 viên đá (ban đầu là 170.000 viên đá) gọi là lãnh địa Hikone.

Lãnh địa này tồn tại cho đến năm 1869, khoảng 170 năm, nằm ở vị trí giao thông, chính trị huyết mạch, không chỉ là trung tâm của lãnh địa, mà còn là thành phố ven biển nối với Osaka, Kyoto là trung tâm kinh tế, giao thương với Ezochi (Hokkaido), vận chuyển lúa gạo cả vùng rộng lớn bằng thuyền, hệ thống phục vụ luân phiên của các lãnh chúa.

Dân số hiện nay của Hikone khoảng 100.000 dân, chỉ là thành phố địa phương nằm ở bờ biển phía đông của hồ Biwa; nhưng thành Hikone còn tồn tại tháp canh trong lâu đài (thiên thủ các) và được công nhận là báu vật quốc gia.

Hình dáng các con đường của khu phố cổ quanh lâu đài, phân bố đất đai và ngay cả di tích còn lại cũng còn được giữ khá nguyên vẹn. Hàng năm khoảng trên 1.000.000 du khách tập trung đến đây vừa để tham quan di tích văn hóa lịch sử, vừa tiến hành cuộc kêu gọi làm hồ sơ xin công nhận di sản văn hóa thế giới.

Hikone thích hợp với cảng ngoài, đó là Matsubara, nằm phía bên ngoài thành, ở vùng đầm phá, được gọi là hồ Matsubaranaiko bên trong ở phía bắc. Thời kỳ cận đại, Yonehara ở phía bắc, cùng với Nagahama và Hikone là tam cảng, trở thành cảng chung của thái ấp. Trong thái ấp Hikone không tồn tại lực lượng hải quân thường trực, vì vậy, cảng không có chức năng neo đậu tàu chiến. Chúng ta cần chú ý đến điểm này.

Trước hết, tôi muốn dựng lại quá trình hình thành đô thị Hikone theo trật tự kế thừa Sawayamashiro thời trung đại- từ việc

tái xây dựng, di chuyển đến Hikone, xây dựng thành phố, cận đại hóa thành phố do lâu đài bị mất đi chức năng của nó.

1. Đặc điểm thành cổ

Do đô thành Nhật Bản lấy khuôn mẫu của nhà Đường, nên đô thành ít tường thành, không có tường thành bao quanh thành phố. Xung quanh công chính Rajyo được xây dựng trên con đường trung tâm theo hướng nam tại Heijyokyo và Heiankyo có vài công trình được xây trên biển, đầm phá, nhưng đúng hình thức đô thành ở Nhật Bản, theo Toyotomi đó là kiến trúc cổ [京都の囲郭化=御土居建設 (1591)]. Vùng đất có chiều bắc-nam khoảng 8,5 km, tây-nam khoảng 3,5km, khá cao, hình dáng không đồng nhất, toàn bộ chiều dài khoảng 22,5km, phía ngoài là ngoại thành Kyoto, bên trong là nội thành, ngoài ra không có gì khác. Do sự cải tạo Kyoto, việc từ bỏ thế lực của chùa chiền, phía đông sông Kamogawa vừa có vai trò như là con đê phòng ngự, một mặt là phòng chống địch bên ngoài, kỹ thuật xây dựng chưa đầy đủ, hơn nữa chính quyền của Toyotomi bị tan rã, cho nên sứ mệnh đó chấm dứt. Năm 1601, một bộ phận nhỏ đã bắt đầu rút đi, thay thế tường thành này là mặt nước biển, hồ, sông ngòi tự nhiên.

Chướng ngại tự nhiên này đã đem đến chức năng phòng vệ, đó là nét đặc trưng lớn của phố cổ Nhật Bản thời trung đại. Theo đó, chính diện của lâu đài (thành) được xây hình dáng nào là phụ thuộc vào địa hình, hệ thống giao thông của xung quanh. Ảnh hưởng tư tưởng của Trung Quốc, giống như lâu đài cổ đại, kiểu hình chữ nhật có phương vị chính nam-bắc, lấy hướng bắc làm vị trí ưu tiên hoàn toàn bị tránh né.

Thành ban đầu chủ yếu để phòng vệ, công kích, nên được chọn vị trí cao hơn xung quanh. Thành Yamashira tồn tại không gian thẳng đứng giữa nơi ở của lãnh chúa, thế nhưng thành Heijou cô độc bằng phẳng có vị trí giao thông thuận tiện hơn hẳn nên được ưu tiên. Đến thời Edo hòa bình, thành Heijou được xây dựng chủ yếu là sự chi phối của lãnh thổ hơn là để phòng vệ. Tuy vậy, ngay cả trường hợp xây thành Heijou cũng vận dụng chiến lược dùng sông ngòi, hào đào nhân tạo để bảo vệ.

2. Thành Sawayama và những biến đổi

Nguyên mẫu ban đầu của thành Hikone là thành Sawayama khởi nguồn là ở Yamashiro thời trung đại (có thể hiểu một cách nữa đó là thành xây dựng trên núi), được xây ở độ cao hơn mực nước biển 233m, lấy trung bình từ đỉnh núi Sawayama. Độ cao chênh lệch so với mặt hồ là 145m. Sazaki đã cho xây nơi ở vào khoảng thế kỷ XIII ở vùng phụ cận Sawayama, nhưng những người trực tiếp xây dựng thành là quân gia của Rokkaku, đại phu Ogawa Sakon. Đây là tòa thành kiên cố dùng để phòng ngự xung quanh, chiều rộng hướng bắc-nam (...).

Đến nửa sau thế kỷ XVI, Oda Nobunaga thường xuyên ở lại thành Sawayama mỗi khi tới thủ đô Kyoto, và Gifu là nơi ở. Vào tháng 5 đời Genki năm thứ 4 (1573), Nobunaga tập trung thợ rèn, thợ mộc, thợ đốn củi trong toàn quốc lại để đóng một con thuyền lớn (櫓の数 100 挺) dưới chân núi Matsubara dài khoảng 60m, rộng 14m, trong vòng khoảng 1 tháng. Sự kiện này đã để lại cho dân gian sự ngạc nhiên. Giai thoại này cũng khơi gợi ý tưởng vùng này cần có giao thông trên hồ.

Người giúp việc của Toyotomi là Ishida Mitsunari vào năm 1590 đã được dâng tặng 180.000 viên đá (Oumi 150.000 viên đá, Ueno 30.000 viên đá) và trở thành chủ tòa thành. Theo thư viện cổ Sawayama (Kho Bảo tàng Hikone, ảnh chụp năm 1828), dinh cơ của Ishida Mitsunari nằm ở đoạn dốc thẳng đứng sau tòa thành, khu vực gần quanh đó là chuồng ngựa, nhà ở của Samurai, kho lúa của tòa thành.

Và nhờ có cây cầu (百間) bắc qua hồ cận Matsubara, nên thành được nối với cảng Matsubara. Nhưng, sự hình thành nhà ở của những người dân thường (thương nhân, thợ) vào đầu thế kỷ XVII là điều cũng chưa chắc chắn rõ ràng. Đô thị có quy mô nhỏ, sự phân bố nhà ở từ ngày xưa chỉ rải rác và không được chia theo vùng rõ ràng. Đặc biệt là nhà của Samurai nằm ở 3 vùng là Matsubara, phía bên trên chân núi Higashiyama, chân núi Nishiyama- điều này sẽ được chứng minh. Mặt khác, thành Sawayama từ hướng

nhằm giao thông bộ giữa Nakasendo phía đông, dần dần chuyển sang giao thông trên hồ làm trung tâm. Thời kỳ Oritoyo được hình thành với “mạng lưới hồ” của đô thành nối các thành Ajijyo (cảng Jyorakuji), thành Sakamoto, thành Ootsu (cảng Katsuno), thành Nagahama, thành Oumi Yawata.

Từ nửa sau thế kỷ XV trở về sau, các lãnh chúa chiến quốc nắm bá quyền ở các vùng đã xây dựng nên các lâu đài để phòng vệ, và đã tạo ra các đô thị khuyến khích sự phát triển buôn bán ở dưới thành. Đó là những thành phố lâu đài (castle town). Người thống nhất các lãnh chúa chiến quốc này là Otoda Nobunaga và Toyotomi Hideyoshi. Họ xuất thân ở trung tâm Nhật Bản ngày nay (tỉnh Aichi) và nhắm đến quyền lực trên toàn quốc, nên đã mất rất nhiều công sức để nắm giữ bồn địa Oumi là hành lang khu vực đến Kyoto.

3. Xây dựng thành Hikone và xây dựng thành phố

Vào thế kỷ XVII, ông Ii xuất thân ở Toutoumi (thuộc phía tây tỉnh Shizuoka), trong cuộc chiến Sekigahara (1601) với tư cách là người tiên phong của Tokugawa đã xưng danh, được Ishida Mitsunari dâng tặng Sawayama và trở thành chủ lâu đài. Nhưng, với sứ mệnh mới của Mạc phủ, thành Hikone nhanh chóng được cho phép xây dựng mới.

Thành Hirayama được xây mới ở vị trí gần với bờ hồ hơn, dưới thành đó tạo nên một đô thị có quy hoạch, với dự định sẽ kiểm soát cả giao thông đường bộ và vận tải đường thủy trên hồ.

Ông Iide với việc xây dựng thành Hikone ở Hikoneyama gần hồ (là đối tượng tín ngưỡng từ sau thời kỳ trung đại) đã đưa Serikawa delta vào đô thị. Vùng đất thấp ẩm ướt (độ cao so với mặt hồ là 84m) cùng với việc có thể hình thành rộng hơn vào thời cận đại, nằm trong ý đồ khuếch trương phạm vi thế lực của khu đất sau cảng.

Hikoneyama (núi Konkin) là khối núi cô độc cao 138m so với mặt nước biển nằm ở bờ hồ Biwa, nguyên là hòn đảo nổi

trên mặt hồ. Phía tây của nó là cổng thành Ote. Cổng thứ nhất là tòa lâu đài lấy tháp canh Thiên Thủ làm trung tâm; cổng thứ hai là giữa hào bên ngoài thành và bên trong thành có dinh cơ của trọng thần, gia thần và lãnh chúa; cổng thứ 3 là giữa các hào bên ngoài thành. Phía tây nam của Kyobashi có Honmachi, dinh cơ của Samurai bố trí xung quanh đó và có nhà của người buôn bán. Bên ngoài cổng thứ 3, nghĩa là bên ngoài của hào ngoài, bố trí nhà ở hạ cấp của Samurai và nhà người dân, nhà ở của võ sĩ hạng thấp.

Trong những lãnh chúa có thể hệ kế tiếp có quan hệ với gia đình Tokugawa, Ii được đối xử đặc biệt, được điều hành hầu hết các lãnh địa Inukami, Aichi, Sakata, ngoài ra còn có Kohoku (hay là phía bắc của hồ Biwa), các địa phương phía đông hồ Biwa cho đến cuối thời kỳ Mạc phủ. Tính trung tâm của Hikone với tư cách là phố cổ quanh lâu đài rất cao.

Bước đầu tiên xây dựng đô thị là thay thế dòng chảy của sông Serikawa vốn dĩ chảy vào trong hồ Matsubara, trực tuyến hóa đến hướng tây nam, đem đến chức năng là thành bao bên ngoài cùng. Con đường dốc trong khu phố cổ quanh lâu đài là dấu vết còn lại của đường sông cũ. Từ Nakasendo là con đường quanh co uốn khúc, đã được làm rất công phu để tránh sự đột nhập của địch. Xung quanh khu vực này là thành phố của những người thợ chế tạo ra bàn thờ Phật, có khởi nguồn từ chế tạo dụng cụ, vũ khí.

Thành phố có phố của người Triều Tiên. Có tên này là do Thông tin sứ người Triều Tiên đến Edo đã đi qua con phố này. Nakasendo là con đường chủ yếu vốn có, nối những làng quan trọng nằm ở phía bờ hồ. Con đường này được lấy làm chính để xây dựng khu phố cổ quanh lâu đài Hikone, bên ngoài xây cổng Biểu Ngự môn (表御門) phía Sawakuchigawa (佐和口側), xây dựng Biểu Ngự điện (表御殿) với chức năng là một công sở. Những năm 1620, thành phố cổ quanh lâu đài cơ bản hoàn thành.

Khu nhà Takamiya thuộc Nakasendo, theo con đường Wakimachi từ nhà chính Torii của lãnh chúa thay phiên nhau đóng

vai trò như là “Nghị lễ nhập quốc”, và tạo ra tầm nhìn trực diện pháo đài trong lâu đài (Thiên thủ). Và, giữa sông Serikawa, khu nhà Ashigaru được xây dựng vừa có chức năng phòng vệ, vừa có chức năng phòng chống thủy hại. Các nhà phân chia theo tiểu khu với trên dưới 160 m², có cả khu nhà uốn cong dựa theo con đường có sẵn.

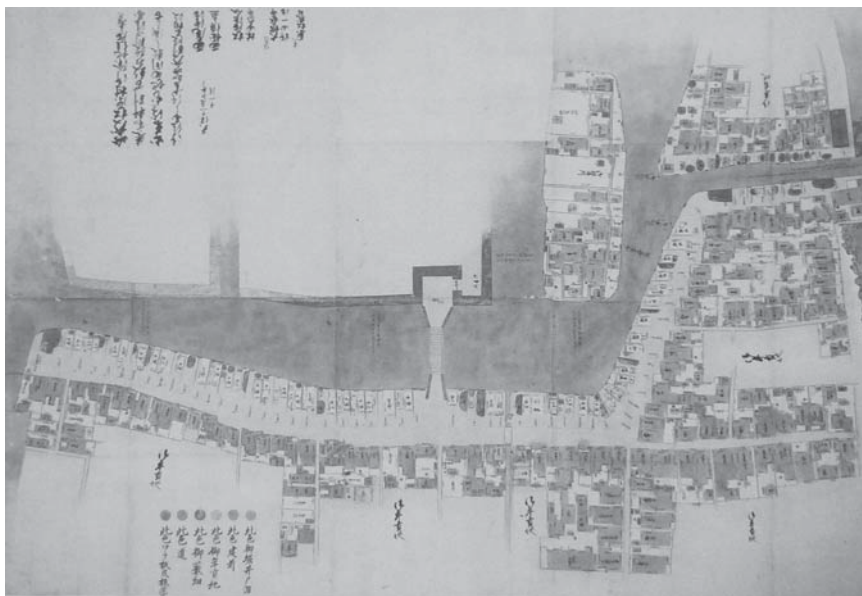
Dân số của Hikone cuối thế kỷ XVII là khoảng 37.000 dân, khu cư trú được bố trí lấy lâu đài làm trung tâm. Lãnh chúa, các gia thần cao cấp đến gia thần bậc thấp phân bố chỗ ở theo thứ tự từ trung tâm đến xa dân, gồm nhà ở của Samurai, nhà của người dân, đền chùa, nhà Ashigaru (binh lính hạ cấp).

Đặc trưng của đô thị Hikone từ trước là tất cả các hào gồm hào trong, hào giữa, hào ngoài đều thu gọn trong Matsubara (松原内湖). Đô thị và cảng ngoài được liên kết một cách hữu cơ, lấy mặt nước thay thế cho tường thành làm nơi bảo vệ thành, vì ở phía bắc của hồ Matsubara là hồ Kata (潟湖である松原内湖).

Trên bãi cát (Hintei) ở Matsubara, cảng Matsubara là cảng chung của Hikone được mở rộng. Tiếp cận với hồ Biwa là đê chắn sóng bằng tường đá, thuyền bè neo đậu ở đây. Trong Nakashima, nơi thuyền neo đậu người ta xây dựng “Nơi ngự tạo thuyền bè”.

Matsubara ở trên bãi cát gần hồ tiếp cận với Hikone, ban đầu không thuộc thành phố cổ quanh lâu đài; nhưng cùng với sự chín muồi của đô thị, nó được xếp vào vị trí dưới lâu đài. Vào năm Thiên Bảo thứ 11 (1840), chúng ta có thể thấy được trên “Hình vẽ vùng đất miễn trừ thuế Matsubara” (松原村除地絵図) cảnh các bãi đậu tàu đứng san sát nhau gánh vác công việc vận chuyển trên hồ, đối mặt ra đường nước thông đến trong hồ.

Hơn nữa, những khi khẩn cấp, những nhà của người đóng vai trò thủy vận được tô màu trắng, để phân biệt với những làng nông gia. Việc hình thành hàng loạt các làng mới trên bãi cát quay mặt vào trong hồ thể hiện rõ điều đó. Nhiệm vụ chủ yếu của cảng Matsubara



Sơ đồ cảng Matsubara năm 1840

là vận chuyển thuế gạo hàng năm của thái ấp bằng thuyền trên hồ đến Otsu. Vì vậy, kho Matsubara được xây dựng làm nơi chứa đồ trong một thời gian, phía đông thông qua hồ, phố bên trong tàu bè trở thành cứ điểm vận chuyển hàng hoá của các thành phố cổ quanh lâu đài đến các phố bên ngoài tàu bè.

Hikone được xây dựng là đô thành, hoạt hóa việc vận chuyển bằng đường thủy ở hồ Biwa nối với sông ngòi ở đồng bằng, các con suối nhỏ và bên trong hồ. Việc sử dụng mặt nước để phòng ngự là một nét đặc sắc của đô thành Nhật Bản.

Những thương nhân thời Edo có khởi nguồn từ trung đại, đến từ các vùng xa, nhất là các nước phía đông, vừa đi buôn y phục cổ của Kyoto, nếu thành công thì cắm rễ ở vùng đất đó, kinh doanh cửa hàng vải vóc, ủ rượu bia, làm rượu... Sự phân bố thương nhân tại đó từ các vùng điển hình như là thương nhân Yawata (Higashiyama/Nakayama), thương nhân Hino

(御代参街道), thương nhân của 5 vùng (được phép chuyên bán chỉ trắng nhập) Gokasyo (Higashiyama/Nakayama, 御代参街道), thương nhân Takashima (西近江路), và Kyoto trở thành trung tâm giao thông chủ yếu từ thời cổ đại, trung đại từ đó.

Thế nhưng, vùng đất dễ nảy nở thương nhân Oumi trú danh ở thái ấp Hikone là làng có chức năng cảng trên bãi cát ven hồ Satsuma, Yanagawa. Làng có khởi nguồn trong việc vận chuyển bằng đường thủy trên hồ từ thời trung đại là đất nông nghiệp, nghèo khổ, làng trên bãi cát chật hẹp có mật độ dân số quá đông đúc. Vì vậy, một bộ phận đã theo đuổi công việc đánh cá trên hồ Biwa, nhưng phần lớn đều rời xa nơi sinh ra để theo đuổi sự nghiệp buôn bán.

Vào thế kỷ XX, từ tỉnh Shiga những người di dân nước ngoài ở Nhật Bản đã đến đại lục Bắc Mỹ (Canada, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ). Trong số di dân, làng ven hồ ở Inukami là trung tâm, ngoài hai làng trên còn có các làng khác cũng trú danh như Hassaka, Ooyabu, Sugoshi.

[Từ các làng trên bãi cát ven biển ở Huế, cũng có những người vượt biển bằng thuyền, di dân để đi kiếm sống và đến Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Canada, đây là điểm rất giống nhau].

Thương nhân của Satsuma, thương nhân Oumi của Yanagawa liên kết khiến việc buôn bán của Ezochi với thái ấp Matsueda từ nửa sau thế kỷ XVII tiến triển mạnh. Việc sử dụng sự tiện lợi trên hồ vốn có để vận chuyển hàng hóa theo đường thủy đến Sakata, Tsuruga; chuyên chở những thực phẩm hàng ngày như gạo, miso đến Matsueda và đem về những thứ như rau biển, rong biển khô, bánh ngọt, cá hồi, da gấu, mật gấu... là do các làng ở trên bãi cát ven hồ vì không lợi thế về mặt nông nghiệp nên phải khai thác mặt lao động cảng, buôn bán với các vùng xa và vận chuyển bằng đường thủy.

4. Hikone từ sau thời kỳ Minh Trị

Ở Hikone vào cuối thời kỳ Mạc phủ, lãnh chúa Ito Naosuke nhận chức lâm thời của Mạc phủ Edo được gọi là Đại lão (大老

-người đứng đầu trong các gia nhân phục vụ cho lãnh chúa), đã cố gắng ký hiệp ước thông thương Nhật- Mỹ, đóng vai trò mở cửa thông thương.

Thế nhưng, đến thời kỳ Minh Trị, Hansekihokan (một cải cách chế độ ở địa phương), rồi đến chế độ Haihanchiken (chế độ cải cách, thái ấp bị xoá bỏ để lập nên phủ và tỉnh), Hikone trở thành tỉnh lỵ của tỉnh Hikone, tỉnh Inukami. Nhưng không bao lâu, tỉnh Shiga hình thành, thì nó trở thành một đô thị địa



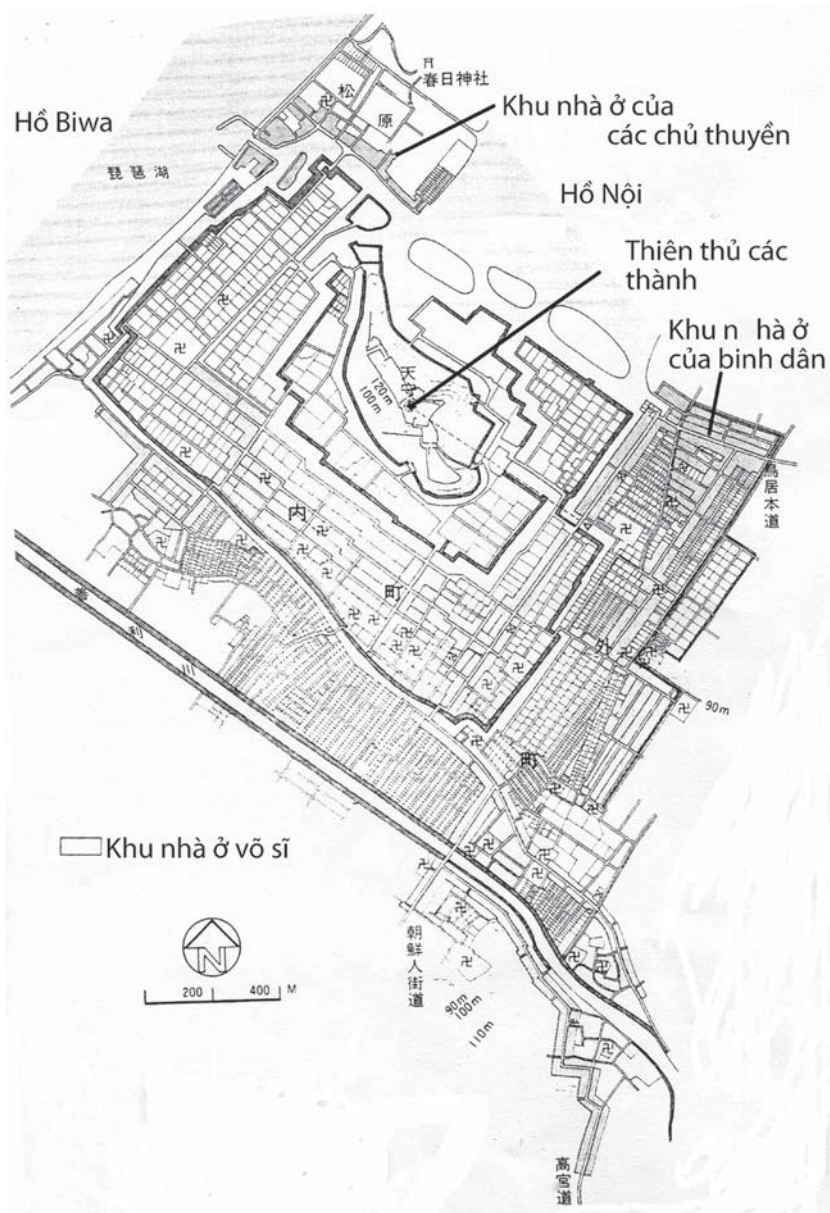
Bản đồ thành phố Hikone năm 1890

phương của địa phương phía Đông Hồ (湖東). Thành Hikone bị mất đi chức năng vốn có, nhưng một gia đình của ông Ito đã ở lại Hikone sinh sống, đó là sự tồn tại điển hình như là gia tộc, và giữ chức thị trưởng trong vòng 36 năm. Việc kéo dài như vậy làm cho Hikone khác với các thành phố cổ quanh lâu đài Jyokamachi khác. Gia bảo to lớn đó gồm sử liệu văn thư, sàn diễn kịch No, những khu vườn của lãnh chúa rất nổi tiếng... Có rất nhiều di sản văn hóa hiện nay vẫn còn lại và đang được triển lãm một phần ở Bảo tàng Hikone.

Việc nghiên cứu dấu tích còn lại của lâu đài bây giờ ra sao là việc làm để có thể hiểu rõ đô thành mang tính lịch sử gắn với hiện tại được hình thành như thế nào. Với tư cách là viên chức, quan chức địa phương, sĩ tộc đã kết thúc nhiệm vụ của mình, nên nhà của Samurai, lâu đài thành quách rộng lớn bị suy thoái, có trường hợp được xóa bỏ, cũng có trường hợp đất tư bị bán đi, hoặc trở thành nơi công cộng, hay là được làm nơi đồn trú của quân đội thời trước chiến tranh.

Trong trường hợp của Hikone, trường trung học cơ sở chế độ cũ kế thừa trường học thái ấp (trường Trung học cơ sở Hikone), trường cao đẳng chế độ mới (trường Trung học phổ thông Hikone) và trường Cao đẳng Thương nghiệp Hikone (nay là Đại học Kinh tế Shiga) được thành lập vẫn còn giữ nguyên hình dáng ban đầu của nó và trở thành di sản văn hóa vô cùng quý báu. Nhà ở của Samurai cũng bị phân tán ở Uchimachi, Sotomachi, tạo nên môi trường sống rất tốt cho nhà ở tư nhân phát triển, nên một phần đã trở thành khu vực văn hóa giáo dục, thương mại.

Cho đến năm thứ 20 thời kỳ Minh Trị, việc vận chuyển bằng đường thủy trên hồ vẫn là giao thông huyết mạch nối các nước lân cận với vùng Trung bộ. Nhưng từ khi tuyến chính Tokaido sơ khai có ga cuối là Nagahama nối Ootsu, rồi từ đó đi bằng đường sắt hướng đến các điểm Keihanshin; tuyến Koto (hiện nay là tuyến đường Tokai) thông qua Yonehara, Hikone nối đến Ootsu, Kyoto, thì Hikone trở thành điểm giao thông đường bộ.



Khu vực chung quanh Hikone

3. Quá trình hình thành Kinh thành Huế và khu vực cảng ngoài

1. Sự hình thành Kinh thành Huế

Tiền thân của Huế là Kim Long vào thời kỳ họ Nguyễn trấn nhậm Quảng Nam. Đây là nơi sông Kim Long và sông Hương hợp lưu ở tả ngạn sông Hương, và họ đã chọn dòng sông Hương để lập địa.

Do tư tưởng phong thủy nên việc chọn đất có mặt nước ở phía trước rất rõ ràng. Nhưng, quy mô chỉ là một phần so với triều Nguyễn ở Huế, bởi lúc đó vùng đất này trở thành nơi ở rất đẹp của các viên chức, quan chức triều Nguyễn ở Huế, được bao bọc xung quanh phía sau là một rừng cây (nay một phần nhà truyền thống này được sử dụng làm nhà hàng, nhà biệt thự).

Kinh thành Huế của triều Nguyễn nằm ở tả ngạn thượng nguồn, cách cửa sông Hương 16 km. Kinh thành Huế hình vuông, mỗi cạnh khoảng 2,5km, được bao quanh bởi hào ngoài và tường thành (cao 6,6m, dày 21m), bốn hướng có xây 10 cổng thành, cung điện (Điện Thái Hòa) nằm ở phần gần sông Hương.

Sông Hương bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, tạo thành vùng đất phù sa (tam giác châu thổ) với quy mô nhỏ ở đầu thung lũng (khe suối), chảy không nghỉ xuống vùng thấp tạo nên đường chạy quanh co. Phía hữu ngạn chảy xuống đáy thung lũng của phần đồi núi có độ cao từ trên dưới 100 đến 150m so với mặt nước biển.

Ở đây tọa lạc các lăng tẩm theo lịch đại như lăng Gia Long, lăng Minh Mạng, lăng Tự Đức, lăng Khải Định và dựa theo nguyên lý Nho giáo các vị vua đã lập nên đàn Nam Giao để tế Trời. Đàn này được lập có hướng cùng với phương vị của Kinh thành Huế (N35°W), theo tư tưởng phong thủy để đối ứng với cung điện, kinh thành.

Hình dáng Kinh thành là hình vuông theo bản bức tiểu họa (miniature) của kinh thành Trung Quốc, hơn nữa tường thành và hào thành lại được làm theo dạng thức giống với thành phố lâu đài của châu Âu và Trung Quốc. Nhưng nếu nhìn kỹ từng chi tiết thì có thể nhận thấy được những cải biến để đối ứng với thời đại.



Khu vực Huế - Thanh Hà - Bao Vinh

Trước hết, vào năm 1802, tiếp thu dạng thức đô thành mà ở Trung Quốc chưa có, đồng thời việc chọn đất đai theo tư tưởng phong thủy bao gồm cả lăng tâm; mặt khác, để đối ứng với chiến thuật cận đại, đặc biệt là đại bác, triều Nguyễn đã áp dụng kiểu thức Vauban, là một phương pháp xây thành của Pháp thế kỷ XVII, để xây dựng Kinh thành Huế.

Huế không nằm ngay chính giữa ở miền Trung Việt Nam mà hơi nghiêng về phía bắc. Vì thế mà việc cung ứng vật chất trở thành vấn đề trọng yếu. Vì vậy, cảng ngoài được xây dựng với một nửa là nhân tạo ở sông ngòi, ven sông tiếp cận với đô thành. Người Hoa đã sống ở đó, làm thương mại trên vùng rộng lớn, buôn bán với các địa phương trong nước.

Ở Huế, theo Hiệp ước Patenôtre năm 1884 thì Pháp trở thành nước bảo hộ Đại Nam. Người Pháp đã lấy sông Hương làm ranh giới phân chia thành phố, với bờ nam là thành phố mới được trang bị cơ sở hạ tầng hiện đại hơn như đường sá, ga đường sắt, công sở, khách sạn, nhà thờ; còn bờ bắc là Thành Nội do Nam triều quản lý và dường như không thấy sự thay đổi lớn nào. Năm 1945, sau khi Nam triều sụp đổ theo chế độ thuộc địa, những người trong hoàng tộc, quan lại đi khỏi kinh thành và người dân vào sinh sống ngày càng nhiều.

Về điểm này, ở đô thành Nhật Bản, khu vực thành do chế độ lúc đó mất đi nên những gia thần cao cấp (những người phục vụ cho lãnh chúa) lưu lạc đi nơi khác và bị suy thoái; nhưng phần lớn không được tư hữu hóa, mà là công hữu hóa để làm trụ sở, được sửa chữa, tu bổ. Còn khu vực nhà ở của Samurai, trong trường hợp ở Hikone thì cung cấp những khu nhà ở khá tốt và trở thành trung tâm buôn bán.

Trường hợp tại Huế, ở bên ngoài phố cổ (bờ bắc sông Hương) khu chợ được hình thành, còn người Pháp thì xây dựng thành phố mới (bờ nam sông Hương) và nó trở thành khu trung tâm thương mại, nhưng khu vực Thành Nội thì những người dân đến sinh sống và bị phân hóa dần, những người ở vùng nông thôn lân cận thậm chí đến sống ở cả trên không gian chật hẹp trên tường thành làm nghề trồng rau.

2. Khu vực cảng ngoài ở Huế

Bên ngoài tường thành, phía đông bắc đô thành Huế là cảng sông của thời chúa Nguyễn và là khu thương mại ngoại ô, như Thanh Hà, Địa Linh, Bao Vinh. Tất cả đều nằm trên đê phòng hộ tự nhiên tiếp giáp với phía bắc tả ngạn sông Hương.

Thanh Hà là phố cảng ra đời vào năm 1636, sau khi chúa Nguyễn Phúc Lan chuyển thủ phủ đến Kim Long. Đây là một trung tâm cảng buôn bán lớn của xứ Thuận Hóa, thu hút nhiều tàu buôn của Trung Quốc, Nhật Bản, và một số nước phương Tây. Phố có nhiều khách thương người Hoa đến cư ngụ nên được gọi là Đại Minh khách phố.

Khu vực phố được hình thành chen vào giữa hai làng Thanh Hà và Địa Linh, lấy Chùa Bà và Chùa Ông làm giới hạn hai phía bắc-nam. Nhiều nhóm di dân từ các vùng Hoa Nam đã đến sống ở đây và dần dần hình thành khu cư trú. Họ Trần là một trong những họ đầu tiên đã đến đây từ giữa thế kỷ XVII, sau khi nhà Minh diệt vong. Khu vực sinh sống của người Hoa đến từ các vùng Phúc Kiến, Quảng Đông, Hải Nam trở thành làng Minh Hương thời chúa Nguyễn Phúc Tần.

Về mặt hành chính, qua đèo Hải Vân ở phía nam cách 130 km thuộc Hội An là cảng sông Thu Bồn. Buổi đầu, phố Thanh Hà xã Minh Hương trực thuộc phố Hội An. Đến triều đại Tây Sơn (1786-1801) thì tách riêng khỏi Hội An. Năm 1813 Thanh Hà và Minh Hương phân chia độc lập về đơn vị hành chính. Sau đó, năm 1827 cải tên từ Minh Hương (明香社) thành Minh Hương (明郷社). Năm 1898, thuế của làng Minh Hương được đồng ngạch với người Việt và từng bước được đồng nhất.

Làng Minh Hương từng gánh chịu ảnh hưởng của một trận chiến dưới thời Tây Sơn, và cùng với việc triều Nguyễn (1802) đào hào xây dựng đô thành thì dòng chảy của sông bị biến đổi, trước mặt làng hình thành một bãi cát lớn nên tàu buôn lớn rất khó cập bến, khiến chức năng thương cảng bị suy thoái. Trung tâm thương mại tiếp cận dần đến Bao Vinh và Chi Lăng ở đô thành Huế, nơi tập trung rất nhiều hội quán của người Hoa hiện nay.

Thiên Hậu Cung (hiện nay gọi là Chùa Bà, tương đương với Bà Tổ Miếu 媽祖廟 ở Trung Quốc) ở phía bắc của làng Minh Hương, còn Quan Thánh Điện (hiện nay là Chùa Ông, tương đương với Quan Đế Miếu) nằm tại phần gần trung tâm của làng Địa Linh, hai chùa cách nhau khoảng 820m. Theo điều tra của chúng tôi (Noma 2009), khoảng giữa đó được suy đoán có nhà ở của người Minh Hương. Đặc trưng của nó là chính điện và cổng hướng về sông Hương. Bãi đậu thuyền ở bờ sông, từ đó có con đường thông ra Chùa Bà và Chùa Ông. Nhất là con đường đến Chùa Ông đến bây giờ vẫn còn lại rất rõ ràng. Thiên Hậu và Quan Đế được tiếp nhận ở Huế với tư cách là thần dòng Trung Quốc.

Khu vực dọc theo con đường chính rất rộng lớn, có rất nhiều nhà cổ được xây bằng gỗ tốt, được trang trí rất đẹp, có vườn. Có những nhà vừa kinh doanh thuốc bắc vừa khám bệnh, gia đình có phả tộc lớn. Dọc theo con đường bắc nam ở hướng tây khu vực làng Minh Hương, hướng ra trục đường chính là lãnh địa của làng Thanh Hà. Ở đây cũng có một phần là nhà của người làng Minh Hương. Nhưng làng nào cũng nhỏ và có nhiều người sinh sống bằng đủ nghề lật vật, lao động theo mùa. Phía đằng sau là nghĩa địa, người Minh Hương và Thanh Hà được chôn cất ở đó, nhưng không phân biệt được rõ ràng khu vực của từng làng.

Nhà của người dân làng Minh Hương được hình thành hai bên dọc theo trục đường chính, nhưng ngày xưa có thể chỉ ở phía tây một bên làng, cổng chính hướng về sông Hương. Cảng sông ở phía tả sông Hương của các làng nối tiếp nhau ở Thanh Hà từng tồn tại, nhưng theo suy đoán thì bến neo đậu tàu thuyền và bến cảng là không tồn tại, mà chỉ cập bến một cách trực tiếp vào bờ sông.

Có thể cho rằng, do bãi cát bồi của dòng Hương mà bờ sông được bồi lớn lên về phía đông, sau đó nhà dân được xây dựng lên. Tính chất bất quy tắc của khu vực phía đông thuộc con đường bắc-nam, và con đường chật hẹp giáp với sông cùng sự phân chia đất đai theo hướng bắc-nam nói lên quá trình hình thành của nó. Với lại, trên bản đồ phía đông-tây, có thể thấy cồn cát ở giữa sông Hương. Đây là do việc đào hào xây dựng đô thành Huế làm cho dòng chảy bị biến đổi, và cồn cát lớn dần lên.



Khu vực Thanh Hà - Địa Linh

Vùng đất này, hiện nay người Thanh Hà trồng lúa, đậu phụng (lạc), các loại rau quả. Sự hình thành cồn cát này là một nguyên nhân dẫn đến sự suy thoái chức năng cảng của Thanh Hà. Mặt khác, nó cũng cung cấp đất nông nghiệp mới cho người dân khu buôn bán mà hầu hết không có đất nông nghiệp.

Còn lãnh địa của làng Địa Linh nằm ở đầu phía bắc Ủy ban Nhân dân xã Hương Vinh (về hành chính tương đương với làng xưa), phân bố các quán buôn bán nhỏ như quán ăn, tiệm cắt tóc, cửa hàng bán điện thoại, chủ yếu phục vụ cho người dân vùng đó. Ngoài ra còn có các ngành khác có quy mô lớn hơn, như làm gạch, buôn bán vật liệu xây dựng, buôn bán sỉ và ở khu vực hướng ra sông ở phía nam tập trung thợ mộc làm thuyền, nay trở thành trung tâm đóng quan tài.

Trên khoảnh đất tiếp giáp với Chùa Ông, vào năm 1963 có xây dựng các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông của khu vực. Nguyên trường do nhà truyền giáo người Pháp xây dành cho đạo Thiên chúa, đến năm 1967 xây chung với trường tiểu học. Sau năm 1975, cùng với sự thống nhất nước Việt Nam, trường trở thành trường công lập.

Ở tận cùng phía nam Địa Linh con đường uốn cong như hình chìa khóa, băng qua một con sông nhỏ và con đường đó là đến Bao Vinh. Hiện nay người Thanh Hà và Địa Linh đang buôn bán hàng hóa ở chợ nằm ở phía bắc Bao Vinh. Ngoài ra còn có quy mô lớn hơn, đó là bán sỉ rất nhiều hàng hóa. Những cửa hàng nằm dọc đường chính so với Thanh Hà và Địa Linh thì lớn hơn hẳn.

Từ Thanh Hà, do nằm ở phần thượng nguồn, gần với đô thành Huế, Bao Vinh dần dần chuyển thành khu vực cảng sông, khu vực chợ. Cùng với việc đó thì ảnh hưởng của người Hoa cũng nhạt dần, trở thành nơi buôn bán giữa các địa phương, hay có thể nói là trung tâm nhỏ ngoại ô Huế.

Một bên gần chợ và nơi thuyền bè đến có vài nhà người Hoa buôn bán các loại thuốc, nhưng bây giờ phần lớn là người Việt. Hơn nữa, khu vực buôn bán này có một đặc sắc riêng, đó là chỉ hạn định ở phía con đường dọc sông Hương.



Khu vực Bao Vinh

Khu vực phía trong sâu của làng Bao Vinh là những người làm nghề thợ rèn, làm nông nghiệp, lưu thông phân phối, gia công thực phẩm quy mô nhỏ. Những xóm ven hai bên sông được đặt tên theo nghề nghiệp như xóm Ót, xóm Dừa, xóm Muối, chợ trên, chợ dưới, xếp một dãy hai bên đường, gần như chạy thẳng đến bờ sông.

Thế nhưng, ngày nay không thấy người dân sinh sống bằng nghề làm ót, muối mà chủ yếu tập trung vào các nghề buôn bán quy mô nhỏ như làm bắp, làm nước đá kèm đi làm việc khác. Khác với Minh Thanh (bao gồm khu vực Thanh Hà, Minh Hương), Bao Vinh nằm kẹp giữa làng Thế Lại ở phía tây, có ruộng nước và có thể thấy một số ít dân làm nông nghiệp.

Những người có đất nông nghiệp tạo nên cộng đồng xưa nay nắm quyền điều hành làng xã; nhưng có hiện tượng dân cư khu buôn bán vượt trội hơn về mặt kinh tế, dần dần mạnh hơn về quyền phát ngôn, can dự nhiều hơn vào những việc chung của làng và dần đang chiếm ưu thế.

Hình ảnh thương mại quốc tế phồn vinh của “thời kỳ thuyền biển lớn ở Đông Nam Á” tại Bao Vinh nay không còn. Cảng ven sông trong nội địa không được bảo đảm an toàn cho tàu bè tới và neo đậu, thiết bị cảng kém, không có chỗ cho thuyền bè đậu, cơ sở vật chất đi kèm như kho hàng thì nghèo nàn, nên không phát triển chức năng vận chuyển. Một bên làng dọc sông còn giữ nguyên hình Bao Vinh cổ; nhưng những năm gần đây do dân số tăng, chức năng vận chuyển trên sông Hương bị suy thoái, ven sông có nhiều nhà tạm, quán xá, biệt thự của các quan chức về hưu, nhà ở ẩn, nhà kiến trúc kiểu Pháp được xây lên, nằm ở cả hai bên làng.

Lời kết

Hikone, Huế cả hai đều là thành phố đô thành, nằm ở vùng đất thấp có nguồn nước phong phú, có cảng ngoài là cảng sông trong nội địa, bên bờ sông có hình thành bãi cát và phía dưới nó có đầm phá. Đối với những tàu thuyền không có máy móc cơ giới, từ trước đến nay cảng có một chức năng là cảng ẩn nấu tuyệt vời, chờ khi có gió thuận chiều để ra khơi. Ở Huế đã thu nhận người Hoa và quy định đảm trách công việc thương mại quốc tế. Nhưng, ở Việt Nam trong

lịch sử của các triều đại, do chính sách đối nội không cho người nước ngoài vào thành phố trung tâm chính trị quốc gia, nên đã hình thành khu vực cảng ngoài xa đô thành. Dấu tích công hiến trong việc vận chuyển hàng hóa đến nội đô một cách có hiệu quả rất mờ nhạt. Điều này giống với vị trí của Phố Hiến (nằm ở hạ lưu sông Hồng cách Hà Nội 40km) đối với Thăng Long (Hà Nội) ở miền Bắc Việt Nam.

Đương sơ, chính Hội An là nơi có giao thương quốc tế bằng đường sông và đường bộ, hàng hóa đã được vận chuyển từ Hội An đến Huế. Gánh vác công việc đó là những người Minh Hương đã được nêu ra trong bài viết này, vào thế kỷ XVII đã di trú đến làng Thanh Hà, giữ vai trò sơ khai làm trung gian mạng lưới giao thương quốc tế và địa phương.

Sau đó, việc sống chung và kết hôn với người Việt tiến triển. Với lại, do sự biến đổi của dòng chảy mà chức năng của cảng bị suy thoái và biến đổi theo đối tượng là bạn hàng của các vùng nông thôn ngoại ô thành phố Huế, mà biến thành làng buôn bán. Và ở mức cao hơn, đó là chức năng buôn bán quốc tế được chuyển đến đường Chi Lăng. Một phần trong số đó và những gia đình buôn bán sĩ đã lại đến đó để sinh sống.

Bên trong kinh thành là thành phố cổ (bờ bắc sông Hương), ngày xưa chỉ có quan chức, hoàng tộc mới được ở. Nhưng từ năm 1884 trở thành nước bảo hộ của Pháp, thì quân đội Pháp đến đóng quân ở góc đông bắc kinh thành (Trần Bình Đài).

Từ năm 1945, sau khi triều Nguyễn diệt vong thì những dân thường cũng đến sinh sống, nhất là những người từ nông thôn đến rất đông. Nhưng, chức năng buôn bán bị yếu đi, khiến cho ta thấy khung cảnh bình yên ở Huế.

Trong thời kỳ chiến tranh (1945-1975), Thành Nội có thời điểm trở thành chiến trường bị tàn phá. Năm 1993, sau khi được công nhận là Di sản Văn hoá thế giới thì công việc trùng tu Đại Nội được tiến triển và đất trồng cũng nhiều. Trên tường thành và xung quanh có thể thấy những nhà dân và khu trồng trọt trái phép. Và hiện nay, phía tả ngạn ngay bên bờ sông Hương ngoài bờ thành cũng có chợ. Gần đó có người Hoa sinh sống trên đường Chi Lăng.

Trái lại, hữu ngạn sông Hương là thành phố mới được hình thành trong thời kỳ là thuộc địa của Pháp. Nó trở thành trung tâm của Huế, có rất nhiều nhà ở, khu buôn bán, khách sạn, văn phòng, có những khu quy hoạch náo nhiệt.

Hikone trong xây dựng đô thành, hệ thống sông ngòi ở đồng bằng, các dòng suối nhỏ và trong hồ nối với hồ Biwa làm chức năng thủy vận đầy đủ. Việc lợi dụng mặt nước trong phòng vệ có thể nói là nét đặc sắc của đô thành Nhật Bản. Một trong những cảng ngoài đó là Matsubara.

Đặc biệt, Matsubara ở trên bãi cát gần hồ tiếp giáp với thành Hikone, đương sơ là phần ngoài của thành, nhưng cùng với việc chín muồi của đô thị, nó được xếp gần vào dưới thành. Đây là nơi đậu thuyền bè, và trong trường hợp khẩn cấp nhà của người dân ở đó giữ vai trò thủy vận, tồn tại riêng biệt rõ ràng với làng nông gia. Phía đông thông với hồ trong, nên Utsunomachi trở thành cứ điểm trong việc vận chuyển hàng hóa cho Jyokamachi (thành phố cổ quanh lâu đài); còn thành phố thông với Sotofunamachi và cảng ngoài đó có đặc trưng mở rộng, được nối kết một cách hữu cơ không ngừng.

Thành phố đô thành Nhật Bản, khu vực lâu đài do bị loại bỏ kiểu quản lý của dòng họ nên các đoàn quân gia cấp lưu lạc đi nơi khác rồi suy thoái, phần nhiều không được tư hữu hóa mà trở thành các công sở được sử dụng làm đất chung. Ngoài ra, khu vực nhà ở của Samurai, trong trường hợp tại Hikone, lại biến thành khu nhà ở rất tốt, và khu vực nhà của người dân trở thành trung tâm thương mại.

Tài liệu tham khảo

- 野間晴雄、西村昌也、篠原啓方、佐藤実、岡本弘道、木村自、氷野善寛、熊野建 Nguyen Van Dang Nguyen Minh Ha (2009): ヲエトナムの――フエ旧外港集落の天后宮と関聖殿の調査基礎報告」, ICSI 文化交渉学研究 2 261-288 頁 .
- 彦根城博物館 (2001): 『彦根の歴史―ガイドブック―』, 彦根城博物館 .
- 彦根市史編集委員会編 (2008): 新修 彦根市史 第 2 巻通史編 近世』, 彦根市 .
- 「琵琶湖がつくる近江の歴史」 研究会編 (2002): 『城と湖と近江』, サンライズ出版.